

Bản án số: 90/2017/LH-PT

Ngày 21 - 8 - 2017

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quảng Oai

Các Thẩm phán: Ông Mai Tiến Dũng

Bà Ngô Thị Thu Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Hoà

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên
tòa:** Ông Đỗ Đức Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2017/TLPT-DS ngày 19 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình

Do Bản án sơ thẩm số 07/2017/LHST ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 225/2017/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Văn H, sinh năm 1960

Cư trú tại: Khu 3, Thôn G, Thị trấn T, huyện H, Thành phố Hà Nội

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Huy S - Luật sư Công ty Luật TNHH HS - Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1963

Cư trú tại: Khu 3, Thôn G, Thị trấn T, huyện H, Thành phố Hà Nội

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Đỗ Mạnh T, sinh năm 1983

2. Chị Đỗ Thị X, sinh năm 1986

3. Chị Đỗ Thị Y, sinh năm 1991

4. Chị Nguyễn Bích H, sinh năm 1984

Đều cư trú tại: Khu 3, Thôn G, Thị trấn T, huyện H, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Đỗ Mạnh T, chị Đỗ Thị Y, chị Nguyễn Bích H và chị Đỗ Thị X: Bà Nguyễn Thị M “được uỷ quyền theo các văn bản uỷ quyền ngày 24 tháng 02 năm 2017 và văn bản uỷ quyền ngày 02 tháng 02 năm 2017”

5. Cháu Đỗ Tuấn A, sinh năm 2010

6. Cháu Đỗ Minh H, sinh năm 2014

Đều cư trú tại: Khu 3, Thôn G, Thị trấn T, huyện H, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật của cháu Đỗ Tuấn A và cháu Đỗ Minh H là anh Đỗ Mạnh T và chị Nguyễn Bích H là bố mẹ đẻ của cháu A và cháu H

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị M là bị đơn; anh Đỗ Mạnh T, chị Đỗ Thị Y, chị Đỗ Thị X là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/12/2015, bản tự khai, các biên bản hòa giải, các văn bản, tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Toà án và tại phiên toà, nguyên đơn ông Đỗ Văn H trình bày:

Ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, chỉ làm thủ tục cưới xin theo phong tục vào năm 1982 và không đăng ký kết hôn. Sau khi tổ chức lễ cưới vợ chồng về chung sống với nhau ngay và sống tại gia đình nhà bà M ở Tân Hội đến năm 1984. Năm 1984 vợ chồng ông H, bà M làm tạm nhà trên đất của gia đình ông Đỗ Văn H và vợ chồng mới đưa nhau về bên gia đình ông H là thôn G sinh sống từ đó đến nay. Vợ chồng cùng nhau lo toan làm ăn đến năm 2012 vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vì bà M nghi ngờ ông ngoại tình. Chính vì vậy, tình cảm vợ chồng đã rạn nứt. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2012 đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Tháng 6/2015 ông đã làm đơn xin ly hôn với bà M tại Toà án nhân dân huyện H, sau khi Toà án hoà giải ông đã rút đơn, Toà án nhân dân huyện H đã đình chỉ việc giải quyết vụ án số 41/2015 ngày 14/7/2015. Tuy nhiên sau khi rút đơn về mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng hơn, bà M không hề quan tâm đến ông, ông ốm đau vẫn phải tự mình đi làm để lo thuốc thang.

Nay ông H xác định, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông H xin ly hôn với bà Nguyễn Thị M.

Về con chung: Ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị M có 03 con chung là: anh Đỗ Mạnh T, sinh năm 1983; chị Đỗ Thị X, sinh năm 1986 và chị Đỗ Thị Y, sinh năm 1991. Các con ông bà đều đã trưởng thành và đều có gia đình riêng, nếu vợ chồng ly hôn, ông không yêu cầu toà án giải quyết về con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng ông có quyền sử dụng 494m² đất ở là đất có nguồn gốc của bố mẹ ông để lại cho vợ chồng ông. Bố ông là cụ Đỗ Văn B đã chết năm 1963, mẹ ông là cụ Bùi Thị S, đã chết năm 1975. Khi chết bố mẹ ông không để lại di chúc. Bố mẹ ông có 5 người con là: Đỗ Thị T, Đỗ Thị N, Đỗ Thị L, Đỗ Thị H và ông là Đỗ Văn H. Các chị gái ông đều đã lập gia đình riêng không liên quan gì đến khối tài sản hiện nay đã đứng tên vợ chồng ông.

Vợ chồng ông đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 653243 ngày 28/11/2012 đối với thửa đất số 195, tờ bản đồ số 3, tại địa chỉ: Khu 3, thôn G, Thị trấn T, huyện H mang tên hộ ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị M. Năm 2013 vợ chồng ông đã chuyển nhượng một phần thửa đất trên cho người khác, hiện nay thửa đất này còn lại là 372,8m². Trong quá trình quản lý, sử dụng hai vợ chồng ông đã xây dựng được nhà hai tầng một tum và một nhà cấp 4 bốn gian trên đất, một xưởng lợp tôn. Toàn bộ khối tài sản này hiện nay đang do ông và bà M cùng quản lý, ông quản lý phần nhà cấp 4, bà M cùng con trai là anh Tuấn quản lý nhà 3 tầng. Toàn bộ tài sản trên đất là công sức phát triển của vợ chồng ông không liên quan đến ai khác nữa.

Nay ông đề nghị chia tài sản chung của vợ chồng, ông đề nghị được chia phần nhà cấp 4 kéo dài từ đầu hồi nhà đến hết đất đằng trước và đằng sau, nếu phần tài sản ông được giao có ít hơn phần đáng ra ông được hưởng thì ông cũng không yêu cầu bà M phải thanh toán chênh lệch tài sản cho ông.

Ngoài khối tài sản này, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết bất cứ tài sản chung nào khác của hai vợ chồng ông trong vụ án này nữa.

* Trong bản tự khai đề ngày 17/12/2015, biên bản hòa giải và biên bản đối chất cùng các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên toà bị đơn là bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà Nguyễn Thị M thừa nhận bà và ông Đỗ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện năm 1982, nhưng hai vợ chồng bà chỉ tổ chức kết hôn theo phong tục địa phương, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đến năm 2012 thì vợ chồng ông bà phát sinh mâu thuẫn do ông H có quan hệ ngoại tình, sau đó vợ chồng ông bà đã sống ly thân từ đó đến nay.

Nay ông H xin ly hôn với bà thì bà không đồng ý ly hôn vì ông H đang ốm đau bệnh tật, bà mong muốn được thuốc men chữa lo toan cho ông H. Trong cuộc sống hàng ngày bản thân bà vẫn lo lắng, chăm sóc cho ông H, hoàn thành nghĩa vụ người vợ.

Về con chung: Bà M và ông H có ba con chung là anh Đỗ Mạnh T, sinh năm 1983; chị Đỗ Thị X, sinh năm 1986 và chị Đỗ Thị Y, sinh năm 1991. Các con ông bà đều đã trưởng thành và đều có gia đình riêng, nếu vợ chồng ly hôn bà không yêu cầu giải quyết về con chung. Hiện nay bà không có thai.

Về tài sản chung:

Về đất thổ cư: Nguồn gốc thửa đất thổ cư hiện nay vợ chồng bà đang quản lý có nguồn gốc là của bố mẹ ông H để lại, tại Khu 3, thôn G, Thị trấn T, huyện H, Thành phố Hà Nội. Thửa đất này hiện nay đã được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận QSD đất. Quá trình sử dụng vợ chồng bà có chuyển nhượng một phần thửa đất trên, hiện nay diện tích đất còn lại là 372,8m². Vợ chồng bà có phát triển trên đất gồm có: 01 nhà 02 tầng 01 tum (xây dựng năm 2004), một nhà 4 gian cấp bốn (xây năm 1994) và một nhà xưởng. Công sức đóng góp vào xây dựng nhà này là công sức của cả gia đình trong đó có con trai là Đỗ Mạnh T, con gái Đỗ Thị X và con gái Đỗ Thị Y. Công sức đóng góp của các con ông H, bà M là ngày công phụ giúp trong việc xây nhà cửa, còn về tiền nong vật chất thì các con bà M không đóng góp được gì.

Nay ông H yêu cầu chia khối tài sản này theo quy định của pháp luật bà M không đồng ý, bà M có nguyện vọng để lại cho con cháu.

Toàn bộ những tài sản chung khác giữa bà Nguyễn Thị M và ông Đỗ Văn H, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong bản tự khai đề ngày 17/12/2016, biên bản hòa giải, biên bản đối chất cùng các tài liệu chứng cứ cung cấp cho Tòa án và tại phiên tòa, người có quyền

lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Đỗ Thị X, anh Đỗ Mạnh T và chị Đỗ Thị Y trình bày:

Anh Đỗ Mạnh T, chị Đỗ Thị Y và chị Đỗ Thị X hoàn toàn nhất trí với lời khai của bà Nguyễn Thị M, không có ý kiến bổ sung gì khác. Anh chị không đồng ý việc ông H xin ly hôn với bà M và muốn hai ông bà đoàn tụ để chăm sóc sức khỏe cho ông H.

Về tài sản chung của ông H và bà M: Quyền sử dụng đất là của ông H và bà M được UBND huyện H cấp cho. Đối với tài sản phát triển trên thửa đất số 195 thuộc tờ bản đồ số 03, diện tích 372,8m² tại Khu 3, thôn G, Thị trấn T, huyện H, Thành phố Hà Nội thì anh Tuấn, chị Xuân, chị Yến có công sức đóng góp là ngày công trong việc xây dựng nhà cửa, không có đóng góp về mặt tiền bạc.

Khi Tòa án giải quyết chia tài sản nếu anh chị có quyền lợi thì các anh các chị đề nghị nhập vào phần của bà Nguyễn Thị M để bà M sử dụng, các anh chị không có yêu cầu gì.

* Trong bản tự khai đề ngày 24/02/2016, quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên toà, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Bích Hảo trình bày:

Chị Hảo là vợ của anh Đỗ Mạnh T (con trai của ông H và bà M). Chị kết hôn với anh Tuấn vào tháng 11/2007. Đối với khối tài sản đang có tranh chấp giữa ông H và bà M chị không có tranh chấp gì, chị không có công sức đóng góp gì trong việc phát triển tài sản của ông H và bà M.

Quá trình giải quyết vụ án tại tòa án các cấp, chị Hảo xin được vắng mặt và ủy quyền cho bà M giải quyết.

* Tại bản án sơ thẩm số 07/2017/LH-ST ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện H đó quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn H được ly hôn bà Nguyễn Thị M.

2. Về con chung:

Ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị M có ba con chung là anh Đỗ Mạnh T, sinh năm 1983; chị Đỗ Thị X, sinh năm 1986; chị Đỗ Thị Y, sinh năm 1991. Hiện nay các anh chị đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không

xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Giao ông Đỗ Văn H quản lý, sử dụng phần diện tích đất 200m² tại thửa 195 thuộc tờ bản đồ số 03 tại khu 3, Thị trấn T, huyện H, Thành phố Hà Nội và các tài sản gắn liền với đất gồm: nhà cấp 4, bếp, bể nước, một phần nhà cấp 4 lợp tôn, mái tôn, tường bao, sân láng xi măng, sân gạch đỏ; chuồng gà và cây cối trên đất. Tổng giá trị tài sản ông H được giao là 2.154.960.256đ (Hai tỷ, một trăm năm mươi tư triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, hai trăm năm sáu đồng).

Giao bà Nguyễn Thị M quản lý, sử dụng diện tích là 172,8m² cùng toàn bộ các tài sản trên phần diện tích đất được giao gồm: nhà 3 tầng, một phần nhà cấp 4 lợp tôn, công trình phụ, bể lọc, bể chứa, giếng khoan, cổng, trụ cổng, cổng sắt và cây cối trên đất. Tổng giá trị tài sản bà M được giao là: 2.423.674.989đ (Hai tỷ, bốn trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng).

Ông H và bà M không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau, hai bên tự tháo dỡ các tài sản mà mình được giao trên phần diện tích đất của bên kia và tự mở lối đi riêng trên phần diện tích đất mà mình được giao (Có sơ đồ giao đất kèm theo).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị M không yêu cầu chia các tài sản chung khác của vợ chồng.

Dành quyền khởi kiện cho ông H và bà M về việc yêu cầu Tòa án giải quyết các tài sản chung khác trong thời kỳ hôn nhân trong một vụ án khác.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Không đồng ý với quyết định bản án, ngày 12/5/2017 bà Nguyễn Thị M có đơn kháng cáo không đồng ý ly hôn và cho rằng ông H chỉ có một mình cần bà cùng với các con và cả gia đình nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chia ông Hưng và bà mỗi người 1/2 diện tích nhà đất ở là không công bằng.

Ngày 12/5/2017 chị Đỗ Thị X, chị Đỗ Thị Y, anh Đỗ Mạnh T có đơn kháng cáo cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm chia ông Hưng và bà M mỗi người 1/2 diện tích nhà đất ở là không công bằng.

* Tại phiên toà hôm nay: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các

đương sự giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thoả thuận được với nhau về cách giải quyết vụ án.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Đỗ Văn H sau khi phân tích đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm huỷ một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung của vợ chồng để Toà án cấp sơ thẩm chia khoản tiền 2.000.000.000 đồng là số tiền bán đất mà bà M gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn - Chi nhánh H, còn các nội dung khác giữ nguyên như quyết định của bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

+ Về tố tụng: Toà án cấp phúc thẩm đã thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến quá trình xét xử tại phiên tòa.

+ Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội sau khi phân tích đề nghị: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét nội dung kháng cáo không đồng ý ly hôn của bà Nguyễn Thị M:

Ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị M kết hôn năm 1982 không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, cú tổ chức lễ cưới.

Tại các biên bản xác minh ngày 27/12/2016 của UBND thị trấn T và ngày 16/02/2017 của UBND xã Đ đã xác nhận: Ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị M có chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn tại địa phương.

Căn cứ khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội hướng dẫn về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2011 quy định về việc áp dụng quy định tại khoản 1 Điều 11 của luật này thì quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà M là hôn nhân thực tế, được pháp luật bảo vệ.

Cuộc sống vợ chồng hoà thuận được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Năm 2012 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng do bà M nghi ngờ ông H có quan hệ tình cảm với người

khác nên ông H và bà M đã sống ly thân từ năm 2012. Tháng 6/2015 ông H đã có đơn xin ly hôn với bà M tại Toà án nhân dân huyện H, Toà án nhân dân huyện H đã hoà giải, ông H đã rút đơn xin ly hôn và ngày 14/7/2015 Toà án nhân dân huyện H đã đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Sau khi Toà án đình chỉ việc giải quyết vụ án, vợ chồng ông H và bà M vẫn không giải quyết được các mâu thuẫn vợ chồng, vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Ngày 10/12/2015 ông H lại có đơn xin ly hôn bà M và Toà án nhân dân huyện H đó nhiều lần hoà giải để vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng không thành.

Bà Nguyễn Thị M không đồng ý ly hôn với ông H nhưng không đưa ra được các biện pháp để cải thiện quan hệ vợ chồng, bà M cho rằng ông H ngoại tình nhưng không có căn cứ chứng minh.

Như vậy, có thể thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông H và bà M đã trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông H là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét nội dung kháng cáo về phân chia tài sản nhà đất ở:

Ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị M chung sống vào năm 1982 tại gia đình nhà bà M ở Tân Hội, đến năm 1984 vợ chồng đưa nhau về bên gia đình ông H là thôn G sinh sống từ đó đến nay.

Ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị M xóc nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 195 thuộc tờ bản đồ số 03, diện tích hiện nay là 372,8m² tại khu 3, thôn G, Thị trấn T, huyện H, Thành phố Hà Nội đó được UBND huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 653243 ngày 28/11/2012 cho hộ ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị M là tài sản chung vợ chồng.

Ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị M cũng thừa nhận nguồn gốc thửa đất trên là do bố mẹ ông H để lại cho ông Đỗ Văn H. Điều này hoàn toàn phù hợp với thực tế và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện tại “Biên bản xác minh” ngày 27/12/2016 tại trụ sở UBND Thị trấn T và Hồ sơ cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” ngày của ông Đỗ Văn H thời điểm tháng 4/2010 ghi nhận nguồn gốc thửa đất trên là “đất thổ cư cũ, do bố mẹ ông Đỗ Văn H

để lại” (BL 77, 95, 101).

Ông H đã tự nguyện nhập vào là tài sản chung của vợ chồng bằng việc ông H có đơn đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất trên cho vợ chồng ông H và ngày 28/11/2012 UBND huyện H đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 653243 cho hộ ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị M. Theo đại diện UBND Thị trấn T thì “Mẫu của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số BL653243 ngày 28/11/2012 là theo mẫu chung của thời điểm cấp giấy năm 2012 đều ghi hộ ông hoặc hộ bà”.

Vì vậy, có đủ căn cứ để xác định quyền sử dụng đất tại thửa 195 tờ bản đồ số 3 tại khu 3, thôn G, Thị Trấn T là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị M.

Việc UBND huyện H đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 653243 ngày 28/11/2012 cho hộ ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị M không có nghĩa quyền sử dụng đất là của chung các thành viên trong hộ gia đình gồm ông Đỗ Văn H, bà Nguyễn Thị M và 03 người con chung là chị Đỗ Thị X, chị Đỗ Thị Y, anh Đỗ Mạnh T và đây là đất có nguồn gốc do bố mẹ ông H để lại cho ông H.

Bà M cho rằng nhà, đất trên có sự đóng góp của các con nhưng thừa nhận các con chỉ đóng góp trong việc cùng trông nom và có ngày công, không đóng góp gì về tiền bạc.

Anh T, chị X, chị Y cho rằng các anh chị có công sức đóng góp trong việc xây dựng nhà và các công trình trên đất nhưng không cung cấp bất cứ tài liệu chứng cứ nào để xác định rõ mình đóng góp bao nhiêu.

Hơn nữa, năm 1994 và năm 2004 ông H và bà M xây dựng nhà cấp 4 và nhà 02 tầng khi đó anh T (sinh năm 1983), chị X (sinh năm 1986) và chị Y (sinh năm 1990) còn nhỏ và đi học, chưa có việc làm nên không thể có công sức đóng góp vào việc xây dựng nhà được. Bản thân bà M và các con đều thừa nhận các con chỉ ngày công phụ giúp trong việc xây nhà cửa, còn về tiền nông vật chất thì các con bà M không đóng góp được gì.

Trên cơ sở về nguồn gốc nhà, đất và công sức của vợ chồng ông H, bà M Tòa án cấp sơ thẩm xác định: Nhà, đất tại thửa đất số 195 thuộc tờ bản đồ số 03, diện tích theo đo vẽ thực tế hiện nay là 372,8m² tại khu 3, Thôn G, Thị trấn T,

huyện H, Thành phố Hà Nội là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông H và bà M có tổng trị giá 4.578.635.245đ (Bốn tỷ, năm trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi năm nghìn, hai trăm bốn mươi năm đồng) và phân chia:

Giao ông Đỗ Văn H được quyền sử dụng phần diện tích đất 200m² tại thửa 195 và các tài sản gắn liền với đất gồm: nhà cấp 4, bếp tạm, bể nước, mái tôn, sân, một phần nhà cấp 4 lợp tôn (sau nhà), chuồng gà, 01 cây hương, 01 cây mộc lan, 01 cây trà, toàn bộ tài sản này có tổng giá trị là: 2.154.960.256 đồng (Hai tỷ, một trăm năm mươi tư triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, hai trăm năm mươi sáu đồng)

Giao Bà Nguyễn Thị M được quyền sử dụng diện tích đất là 172,8m² và sở hữu các tài sản trên diện tích được giao gồm: nhà 3 tầng, một phần nhà cấp 4, bể lọc, bể chứa, giếng khoan, công trình phụ, 01 cây nhãn, cổng sắt, nền lát gạch đỏ, một phần tường bao, cổng sắt, lối đi vào cổng chính bằng xi măng, có tổng giá trị là: 2.423.674.989 đồng (Hai tỷ, bốn trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng) là phù hợp với Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trên cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy không có căn cứ để chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị M và các anh Đỗ Mạnh T, chị Đỗ Thị X, chị Đỗ Thị Y đối với quyết định của bản án sơ thẩm.

Do các đương sự không có yêu cầu đối với các tài sản chung khác của vợ chồng nên Tòa án cấp sơ thẩm dành quyền khởi kiện cho ông H và bà M bằng một vụ kiện khác (nếu có) là có căn cứ, đúng pháp luật.

Luận cứ của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông H phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận một phần.

Kết luận của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội hoàn toàn phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí: Các đương sự kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 33, khoản 1 Điều 56, Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội;

- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

- Căn cứ khoản 8,9 Điều 27; khoản 1 Điều 30 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của UBTVQH12 ngày 27/02/2009;

- Căn cứ điểm đ Điều 1 Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 07/2017/LH-ST ngày 28/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện H và quyết định cụ thể như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đỗ Văn H, ông Đỗ Văn H được ly hôn bà Nguyễn Thị M.

2. Về con chung:

Ông Đỗ Văn H, bà Nguyễn Thị M có ba con chung là anh Đỗ Mạnh T, sinh năm 1983; chị Đỗ Thị X, sinh năm 1986; chị Đỗ Thị Y, sinh năm 1991. Hiện các anh chị đã trưởng thành, việc ở với ai do họ tự quyết định.

3. Về tài sản chung:

- Xác định nhà, đất tại thửa đất số 195 thuộc tờ bản đồ số 03, diện tích thực tế hiện nay là 372,8m² tại khu 3, Thôn G, thị trấn Tràm Trôi, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị M, có tổng trị giá 4.578.635.245 đồng (Bốn tỷ, năm trăm bảy mươi tám triệu, sáu trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm bốn mươi lăm đồng) và phân chia cụ thể như sau:

a. Giao cho ông Đỗ Văn H quản lý, sử dụng, sở hữu phần diện tích nhà, đất có diện tích 200m² tại thửa 195 thuộc tờ bản đồ số 03 tại khu 3, Thôn G, thị trấn Tràm Trôi, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội cùng toàn bộ các tài sản trên phần diện tích đất được giao gồm: Nhà cấp 4, bếp, bể nước, một phần nhà cấp 4 lợp tôn, mái tôn, tường bao, sân láng xi măng, sân gạch đỏ, chuồng gà và cây cối trên đất. Tổng giá trị tài sản ông Đỗ Văn H được giao là 2.154.960.256 đồng (Hai tỷ, một trăm năm mươi tư triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, hai trăm năm sáu đồng).

b. Giao bà Nguyễn Thị M quản lý, sử dụng, sở hữu phần diện tích nhà, đất có diện tích là 172,8m² tại thửa 195 thuộc tờ bản đồ số 03 tại khu 3, Thôn G, thị

trần T, huyện H, Thành phố Hà Nội cùng toàn bộ các tài sản trên phần diện tích đất được giao gồm: Nhà 3 tầng, một phần nhà cấp 4 lợp tôn, công trình phụ, bể lọc, bể chứa, giếng khoan, công, trụ công, công sắt và cây cối trên đất. Tổng giá trị tài sản bà Nguyễn Thị M được giao là: 2.423.674.989 đồng (Hai tỷ, bốn trăm hai mươi ba triệu, sáu trăm bảy mươi tư nghìn, chín trăm tám mươi chín đồng).

- Ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị M không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau, hai bên tự tháo dỡ các tài sản mà mình được giao trên phần diện tích đất của bên kia và tự mở lối đi riêng trên phần diện tích đất mà mình được giao.

- Ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị M có quyền và nghĩa vụ xây bức tường ngăn diện tích nhà, đất được chia với các diện tích khác. Vị trí bức tường nằm tại phần đất được chia.

- Ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị M có quyền và nghĩa vụ đến cơ quan nhà đất có thẩm quyền để sang tên sở hữu phần nhà đất được chia theo quyết định của bản án và phải chấp hành đầy đủ các qui định của cơ quan nhà đất có thẩm quyền trong quá trình quản lý, sử dụng và sở hữu phần nhà đất được chia.

(Có sơ đồ giao đất kèm theo quyết định của bản án).

4. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị M không yêu cầu chia các tài sản chung khác của vợ chồng.

Dành quyền khởi kiện cho ông Đỗ Văn H và bà Nguyễn Thị M về việc yêu cầu Tòa án giải quyết các tài sản chung khác trong thời kỳ hôn nhân (nếu có) bằng vụ án khác.

5. Về án phí:

- Ông Đỗ Văn H phải chịu 200.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 75.099.205 đồng án phí chia tài sản sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm ông Đỗ Văn H đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số AA/2010/0009136 ngày 15/12/ 2015 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hà Nội. Ông Đỗ Văn H còn phải nộp 75.099.205 đồng (Bảy mươi lăm triệu, không trăm chín mươi chín đồng, hai trăm lẻ lăm đồng) án phí chia tài sản sơ thẩm .

- Bà Nguyễn Thị M phải chịu 80.473.499 đồng (Tám mươi triệu, bốn trăm bảy mươi ba nghìn, bốn trăm chín mươi chín đồng) án phí chia tài sản sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị M, chị Đỗ Thị Y, anh Đỗ Mạnh T, chị Đỗ Thị X mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng dự phí kháng cáo đó nộp tại các biên lai 0009879, số 0009881, số 0009880 cùng ngày 12/5/2017 và số 0009902 ngày 22/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Bà Nguyễn Thị M, chị Đỗ Thị Y, anh Đỗ Mạnh T, chị Đỗ Thị X đã nộp xong án phí dân sự phúc thẩm.

Án xử công khai, phúc thẩm, có hiệu lực kể từ ngày Tòa tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND huyện H;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Chi Cục thi hành án dân sự huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quảng Oai